

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN GIAO TRI THỨC TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀO THỰC TIỄN

Phạm Thế Long, Trần Doãn Hiếu¹

Học viện Kỹ thuật Quân sự

Nguyễn Hoàng Hải

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Chuyển giao tri thức từ các trường đại học vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh là một yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự gia tăng kết nối toàn cầu, quá trình này ngày càng trở nên dễ tiếp cận và hiệu quả hơn. Bài viết này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển giao tri thức giữa các trường đại học và doanh nghiệp, bao gồm môi trường học thuật, chiến lược doanh nghiệp và các chính sách hỗ trợ của chính phủ. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh vai trò của công nghệ số, các mô hình hợp tác công - tư và các chiến lược đổi mới sáng tạo trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi này. Nghiên cứu cũng nêu rõ thực trạng, cơ hội và thách thức mà các bên liên quan phải đối mặt, trong quá trình ứng dụng tri thức học thuật vào thực tế, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để xuất các giải pháp để thúc đẩy hoạt động này. Bài viết cũng cung cấp các bài học thực tiễn từ cả quốc tế và Việt Nam để định hướng các chiến lược trong tương lai.

Từ khóa: Tri thức; Chuyển giao tri thức; Công nghệ; Công nghệ số; Hợp tác doanh nghiệp - trường đại học; Đổi mới sáng tạo; Khởi nghiệp.

Mã số: 24112701

SOME GENERAL ISSUES ON KNOWLEDGE TRANSFER FROM UNIVERSITY TO PRACTICE

Abstract:

The transfer of knowledge from universities to production and business activities is a key factor in promoting the knowledge economy. In the context of digital transformation and the intensification of global connectivity, this process is becoming more accessible and effective. This article analyzes the factors affecting knowledge transfer between universities and enterprises, including the academic environment, business strategy, and government support policies. In particular, the article emphasizes the role of digital technology, public-private partnership models, and innovation strategies in promoting this transformation process. The study also highlights the current situation, along with the opportunities and challenges that stakeholders face in the process of applying academic knowledge to practice. Based on this, it proposes solutions to enhance knowledge transfer activities. The article also provides practical lessons from both an international and Vietnamese perspective to guide future strategies.

Keywords: Knowledge; Knowledge transfer; Technology; Digital technology; University-Enterprise Cooperation; Innovation; Entrepreneurship.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên mà tri thức được xem là tài sản quý giá nhất, việc chuyển giao tri thức từ môi trường học thuật vào thực tiễn sản xuất - kinh doanh đã trở thành

¹ Liên hệ tác giả: hieutd@lqdtu.edu.vn.

một vấn đề cấp bách. Khả năng ứng dụng thành công các nghiên cứu khoa học vào đời sống không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia mà còn giải quyết những thách thức xã hội như biến đổi khí hậu, y tế và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, quá trình chuyển giao tri thức vẫn còn nhiều trở ngại. Khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và mục tiêu giữa giới nghiên cứu và doanh nghiệp thường gây ra những khó khăn trong việc hiểu và đánh giá giá trị của các nghiên cứu. Vấn đề bảo mật thông tin, quyền sở hữu trí tuệ cũng là rào cản lớn, khiến các nhà nghiên cứu e ngại chia sẻ kết quả nghiên cứu của mình. Thiếu nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và chính sách hỗ trợ cũng là những hạn chế đáng kể. Trước những thách thức trên, nghiên cứu này nhằm đạt được một số mục tiêu sau:

Thứ nhất, bài viết sẽ phân tích khái niệm và vai trò của chuyển giao tri thức tại trường đại học trong phát triển kinh tế tri thức; đồng thời đi sâu phân tích các hình thức chuyển giao tri thức phổ biến hiện nay như: hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp và đào tạo.

Thứ hai, đánh giá thực trạng hoạt động chuyển giao tri thức từ trường đại học tại Việt Nam và tìm hiểu những thách thức mà quá trình này đang phải đối mặt.

Thứ ba, bài viết sẽ trình bày những xu hướng mới nổi và cơ hội trong chuyển giao tri thức, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ số.

Cuối cùng, trên cơ sở thực trạng, cơ hội và thách thức cùng với xu hướng hiện nay trong chuyển giao tri thức từ trường đại học tiến hành đề xuất một số giải pháp khả thi để thúc đẩy hoạt động này.

2. Chuyển giao tri thức trong bối cảnh hiện nay

2.1. Khái niệm và vai trò của chuyển giao tri thức

Tri thức là tập hợp các thông tin, kinh nghiệm, kỹ năng và hiểu biết mà con người tích lũy được thông qua học tập, trải nghiệm và tương tác với môi trường xung quanh. Theo Nonaka & Takeuchi (1995), tri thức có thể được phân loại thành hai loại chính: tri thức rõ ràng và tri thức ngầm. Tri thức rõ ràng có thể được ghi chép, lưu trữ, truyền đạt dễ dàng, ví dụ như sách, báo cáo nghiên cứu và tài liệu kỹ thuật. Trong khi đó, tri thức ngầm là loại tri thức khó truyền đạt bằng văn bản và mang tính cá nhân cao, thường bao gồm kỹ năng, kinh nghiệm và bản năng, tri thức còn có thể được cấu trúc thành hệ thống để giúp tổ chức thông tin và hỗ trợ phát triển các ứng dụng thực tiễn. Trong chuyển giao tri thức, việc nhận diện và khai thác hiệu quả cả tri thức rõ ràng và tri thức ngầm đóng vai trò quan trọng trong quá trình áp dụng và đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp. Dưới các góc độ nghiên cứu của các học giả theo từng lĩnh vực, chuyển giao tri thức cũng có những quan điểm và vai trò khác nhau.

Dưới góc độ tổ chức học thuật, chuyển giao tri thức được hiểu là quá trình mà các trường đại học và viện nghiên cứu chia sẻ các kết quả nghiên cứu, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình với các doanh nghiệp và cộng đồng. Theo nghiên cứu của Perkmann và cộng sự (2013), hoạt động này không chỉ bao gồm

các dự án nghiên cứu chung mà còn bao gồm việc tư vấn chuyên môn, chuyển giao công nghệ và các dự án hợp tác khác. Các trường đại học thường sử dụng các văn phòng chuyển giao công nghệ để quản lý và thúc đẩy quá trình này một cách hiệu quả.

Từ góc độ chiến lược và kinh doanh, chuyển giao tri thức được coi là một yếu tố then chốt để phát triển năng lực cạnh tranh bền vững cho doanh nghiệp. Chen & Huang (2009) nhấn mạnh rằng chuyển giao tri thức không chỉ là chia sẻ thông tin mà còn là quá trình chiến lược giúp tổ chức tích hợp kiến thức mới vào hoạt động của mình nhằm cải thiện khả năng đổi mới và đáp ứng linh hoạt với các thay đổi của thị trường. Chuyển giao tri thức theo cách này thường đòi hỏi doanh nghiệp phải có năng lực quản lý tri thức mạnh và quy trình hiệu quả để khai thác tri thức từ bên ngoài.

Ở góc độ thực tiễn hợp tác, theo D'Este & Patel (2007), chuyển giao tri thức từ trường đại học đến doanh nghiệp là một quá trình phức tạp bao gồm không chỉ việc chuyển giao các công nghệ đã hoàn thiện mà còn cả việc chia sẻ tri thức ngầm, là những kiến thức khó mã hóa hoặc truyền tải thông qua văn bản. D'Este và Patel cho rằng hiệu quả của chuyển giao tri thức thường phụ thuộc vào mức độ hợp tác thực tiễn và việc phát triển mối quan hệ dài hạn giữa các nhà nghiên cứu và các đối tác doanh nghiệp.

Dưới góc độ quản lý tri thức trong tổ chức, Easterby-Smith & Lyles (2011) cho rằng, chuyển giao tri thức là một quá trình bao gồm việc nhận diện, mã hóa, lưu trữ và truyền đạt tri thức từ một tổ chức hoặc cá nhân này đến tổ chức hoặc cá nhân khác nhằm mục đích nâng cao năng lực tổ chức. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bộ phận trong tổ chức để tạo ra một hệ sinh thái thuận lợi cho tri thức di chuyển, lưu thông và được áp dụng vào thực tiễn.

Từ góc độ đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế, Pereira & Mellahi (2021) khẳng định rằng chuyển giao tri thức là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại các quốc gia mới nổi và các ngành công nghệ cao. Theo các tác giả, các chính sách và quy định có thể đóng vai trò quyết định trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các mô hình hợp tác cần thiết để thúc đẩy quá trình này. Các ví dụ thành công cho thấy rằng những nền kinh tế có cơ chế khuyến khích sự kết nối giữa các trường đại học và doanh nghiệp sẽ phát triển nhanh hơn nhờ vào khả năng ứng dụng tri thức vào thực tiễn.

Ở góc độ quốc tế và toàn cầu hóa tri thức, World Bank (2020) chỉ ra rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển giao tri thức không chỉ diễn ra ở cấp quốc gia mà còn xuyên biên giới, với sự hợp tác giữa các tổ chức ở nhiều quốc gia khác nhau. Điều này cho phép các doanh nghiệp và tổ chức học hỏi từ các thực tiễn quốc tế, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh toàn cầu. Chuyển giao tri thức từ góc độ quốc tế đòi hỏi một hệ sinh thái bao gồm chính sách hỗ trợ, khả năng thích ứng văn hóa và kỹ năng kết nối quốc tế.

Như vậy, chuyển giao tri thức là một quá trình truyền đạt, chia sẻ và ứng dụng kiến thức từ các tổ chức học thuật như trường đại học đến doanh nghiệp. Davenport & Prusak (1998) nhấn mạnh rằng chuyển giao tri thức không chỉ là việc cung cấp thông tin mà còn bao gồm cả quá trình áp dụng kiến thức vào thực tiễn để tạo ra giá trị mới. Chuyển giao tri thức trong bối cảnh hiện đại thường nhằm giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, cải tiến sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Vai trò của chuyển giao tri thức trong nền kinh tế ngày càng trở nên quan trọng, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Nghiên cứu của Bozeman (2000) cho thấy các doanh nghiệp tích cực tham gia vào quá trình chuyển giao tri thức từ trường đại học có năng lực đổi mới cao hơn so với những doanh nghiệp không tham gia. Chuyển giao tri thức không chỉ giúp doanh nghiệp tăng cường năng lực cạnh tranh mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, từ đó mang lại giá trị gia tăng cho xã hội.

2.2. Bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0, chuyển giao tri thức từ trường đại học vào lĩnh vực sản xuất - kinh doanh ngày càng trở thành một yếu tố thiết yếu để thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng bền vững. Cụ thể, các yếu tố quan trọng trong bối cảnh hiện nay bao gồm:

Sự phát triển của công nghệ số và Cách mạng Công nghiệp 4.0

Công nghệ số đang tạo ra một bước tiến lớn trong việc chuyển giao tri thức, đặc biệt là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data). Theo OECD (2019), các công nghệ này không chỉ mở rộng quy mô và tốc độ chuyển giao tri thức mà còn làm thay đổi cách thức tri thức được tạo ra, chia sẻ và ứng dụng vào thực tiễn. Trường đại học và doanh nghiệp ngày càng sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để kết nối, trao đổi và hợp tác trong các dự án nghiên cứu. Điều này giúp rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và ứng dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa các phát minh mới vào quy trình sản xuất.

Xu hướng toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế

Toàn cầu hóa đã tạo ra áp lực mạnh mẽ cho các doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia trong việc nâng cao năng lực đổi mới và áp dụng tri thức quốc tế vào phát triển. Theo World Bank (2020), các quốc gia có thể tăng cường lợi thế cạnh tranh thông qua việc thúc đẩy chuyển giao tri thức từ các viện nghiên cứu và trường đại học hàng đầu. Toàn cầu hóa cũng giúp mở ra cơ hội cho các trường đại học hợp tác với các doanh nghiệp đa quốc gia và tiếp cận các thị trường quốc tế, từ đó giúp tăng cường ảnh hưởng của tri thức học thuật trong các lĩnh vực sản xuất toàn cầu.

Sự gia tăng của các mô hình hợp tác công - tư (Public - Private Partnerships)

Mô hình hợp tác công - tư (PPP) đang trở thành xu hướng nổi bật nhằm thúc đẩy chuyển giao tri thức từ trường đại học vào doanh nghiệp. Perkmann và cộng sự (2013) chỉ ra rằng các dự án hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp thường đạt hiệu quả cao hơn khi có sự tham gia của Nhà nước thông qua các chương trình hỗ trợ tài chính, chính sách ưu đãi về thuế và các quy định bảo vệ sở hữu trí tuệ. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho chuyển giao tri thức, giúp các dự án hợp tác có điều kiện phát triển và mang lại lợi ích thực tế.

Sự thay đổi trong chính sách hỗ trợ đổi mới và phát triển bền vững

Nhiều quốc gia đang đưa ra các chính sách ưu tiên và hỗ trợ cho hoạt động đổi mới và chuyển giao tri thức từ các trường đại học. Các chính sách này bao gồm tài trợ nghiên cứu, khuyến khích các dự án hợp tác với doanh nghiệp, cũng như

các chương trình khởi nghiệp. Pereira & Mellahi (2021) cho rằng, với sự hỗ trợ của Chính phủ, các trường đại học có thể đẩy mạnh chuyển giao tri thức thông qua các hình thức như công ty spin-off và vườn ươm doanh nghiệp, giúp tạo ra các sản phẩm và công nghệ mới phục vụ cho sự phát triển bền vững.

Nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh khủng hoảng và biến động kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế biến động và nhiều quốc gia phải đối mặt với những thách thức từ đại dịch, chuyển giao tri thức trở thành một giải pháp giúp doanh nghiệp duy trì năng lực cạnh tranh và tìm kiếm cơ hội phát triển mới. Chen & Huang (2009) nhấn mạnh rằng việc áp dụng tri thức từ các trường đại học giúp doanh nghiệp tăng cường hiệu quả, cải tiến quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm mới, từ đó đáp ứng được nhu cầu thị trường một cách linh hoạt và bền vững hơn.

Các yếu tố trên đã làm thay đổi cách thức và yêu cầu đối với chuyển giao tri thức trong thời đại ngày nay. Chính bối cảnh mới này đã khiến các hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trở nên cần thiết hơn bao giờ hết với những cơ hội và thách thức đặc biệt. Điều này đặt ra yêu cầu cho các bên tham gia không chỉ về năng lực hợp tác mà còn về khả năng thích ứng và đổi mới liên tục trong cả quá trình chuyển giao tri thức.

3. Các hình thức chuyển giao tri thức

Trong môi trường học thuật và công nghiệp ngày nay, các hình thức chuyển giao tri thức phát triển theo nhiều hướng đa dạng, từ các phương thức truyền thống đến các hình thức hợp tác sâu rộng, bao gồm: Kết nối/tạo lập mạng lưới, đồng tổ chức hội nghị/hội thảo, giảng dạy, đồng công bố/xuất bản công trình, biệt phái nghiên cứu/nhóm nghiên cứu, chia sẻ cơ sở vật chất, thực hiện dịch vụ KH&CN, thương mại hóa sáng chế và công nghệ, thành lập và ươm tạo doanh nghiệp KH&CN khởi nguồn (spin-off) trực thuộc trường ĐH... Các hình thức này không chỉ hỗ trợ đổi mới trong sản xuất mà còn giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các xu hướng công nghệ và tri thức mới từ các trường đại học. Dưới đây là một số hình thức chuyển giao tri thức phổ biến:

3.1. Hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D)

Hợp tác R&D là một trong những hình thức quan trọng nhất để chuyển giao tri thức từ trường đại học vào doanh nghiệp, cho phép cả hai bên cùng thực hiện các dự án nghiên cứu hoặc phát triển sản phẩm, quy trình mới. Theo Siegel và cộng sự (2003), hợp tác R&D thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ nghiên cứu cơ bản thành ứng dụng thực tiễn nhờ vào việc chia sẻ tài nguyên, thông tin và lợi ích. Một ví dụ điển hình là việc phát triển công nghệ năng lượng tái tạo tại châu Âu, nơi các dự án hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp đã giúp nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh của công nghệ này (Cunningham & O'Reilly, 2018). Các hợp tác này không chỉ đóng góp về mặt kinh tế mà còn hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển bền vững.

Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên để đạt được hiệu quả, từ việc xác định mục tiêu nghiên cứu, phân bổ nguồn lực, đến quản lý tiến độ và đánh giá kết quả. D'Este & Patel (2007) cũng nhấn mạnh rằng sự tham gia của các doanh nghiệp trong các dự án R&D sẽ giúp các trường đại học định hướng

ngiên cứu một cách thực tiễn hơn, đáp ứng kịp thời các nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

3.2. Chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ là hình thức chuyển giao tri thức chủ chốt, giúp chuyển đổi các phát minh và sáng chế của trường đại học thành sản phẩm hoặc quy trình có tính ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp. Quá trình này có thể bao gồm việc cấp phép sử dụng công nghệ hoặc bán quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp. Bercovitz & Feldman (2006) chỉ ra rằng văn phòng chuyển giao công nghệ tại các trường đại học đóng vai trò then chốt trong việc đẩy mạnh quá trình này, bằng cách tạo điều kiện pháp lý, tài chính và quản lý sở hữu trí tuệ.

Theo OECD (2019), chuyển giao công nghệ có sự tham gia của các chuyên gia từ cả hai bên, bao gồm việc chia sẻ tài liệu kỹ thuật, đào tạo và hỗ trợ triển khai công nghệ mới. Để đảm bảo thành công, các trường đại học thường cung cấp đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp doanh nghiệp có đủ kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ vào quy trình sản xuất.

Một ví dụ điển hình là các trường đại học tại Hoa Kỳ và châu Âu đã thành lập các trung tâm hỗ trợ và văn phòng chuyển giao công nghệ giúp thúc đẩy việc ứng dụng các nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất. Tại Việt Nam, hiện nay rất nhiều trường đại học cũng thành lập các văn phòng chuyển giao công nghệ và trung tâm công nghệ để hỗ trợ hoạt động chuyển giao tri thức và công nghệ từ trường đại học ra các doanh nghiệp bên ngoài.

3.3 Khởi nghiệp và công ty spin-off từ trường đại học

Các công ty spin-off từ trường đại học là hình thức chuyển giao tri thức mới, được khuyến khích để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có giá trị. Theo Shane (2004), công ty spin-off thường tận dụng được sự hỗ trợ về tri thức, tài chính và môi trường nghiên cứu từ trường đại học để phát triển sản phẩm mới. Ngoài ra, Mathisen & Rasmussen (2019) cũng cho rằng các spin-off thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo ra sự cạnh tranh mới trong thị trường, nhờ vào khả năng thích nghi và phát triển từ nghiên cứu khoa học. Spin-off không chỉ giúp tăng cường chuyển giao tri thức mà còn đóng góp vào việc tạo ra các công việc chất lượng cao và cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Các công ty spin-off từ trường đại học đã phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, đóng vai trò như cầu nối giữa nghiên cứu và ứng dụng.

Ví dụ về mô hình này là các công ty như Google và Genentech, cả hai đều có nguồn gốc từ các nghiên cứu đại học và đã phát triển thành các tập đoàn hàng đầu thế giới. Theo Clarysse và cộng sự (2008), các công ty spin-off có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế, đặc biệt tại các quốc gia phát triển. Tại Việt Nam, hoạt động khởi nghiệp và các công ty spin-off từ các trường đại học tại đã và đang phát triển mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin và khoa học đời sống. Ví dụ, Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ (HCMUT-TBI) trực thuộc Trường Đại học Bách khoa TP.HCM đã hỗ trợ phát triển hàng loạt start-up về công nghệ cao. Tương

tự, Công ty BK Holdings thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chuyên về trí tuệ nhân tạo và các sản phẩm phần mềm.

3.4. Đào tạo và tư vấn

Hình thức đào tạo và tư vấn là cách thức chuyển giao tri thức mang tính chất hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là khi doanh nghiệp cần nâng cao năng lực kỹ thuật hoặc tiếp cận kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn. Hình thức này giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực của mình. Theo Bozeman & Boardman (2014), các chương trình đào tạo từ trường đại học, bao gồm các khóa học ngắn hạn, hội thảo và dịch vụ tư vấn, không chỉ truyền đạt tri thức mà còn xây dựng mối quan hệ hợp tác bền chặt với doanh nghiệp.

Các trường đại học và doanh nghiệp có thể ký kết hợp đồng tư vấn để giải quyết các vấn đề kỹ thuật hoặc quy trình cụ thể trong sản xuất. Santoro & Bierly (2006) cho rằng các chương trình đào tạo và tư vấn không chỉ giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả sản xuất mà còn giúp xây dựng một hệ sinh thái chuyển giao tri thức bền vững giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Tại Việt Nam đã có nhiều trường đại học thực hiện đào tạo và tư vấn theo nhu cầu của doanh nghiệp nhằm chuyển giao tri thức trực tiếp. Trong đó, Đại học FPT là ví dụ điển hình khi phối hợp với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin để cung cấp các chương trình đào tạo về lập trình và quản lý dữ liệu lớn (Big Data) cho các nhân sự của Tập đoàn FPT. Điều này giúp tăng cường kỹ năng và năng lực cho đội ngũ nhân viên của tập đoàn, đồng thời cập nhật các công nghệ tiên tiến mà sinh viên và nhân viên có thể áp dụng ngay vào công việc.

4. Thực trạng và thách thức trong chuyển giao tri thức

4.1. Thực trạng chuyển giao tri thức tại Việt Nam hiện nay

Hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp: Những bước tiến nhưng còn hạn chế

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ nhất định trong hợp tác đại học - doanh nghiệp thông qua các chương trình nghiên cứu chung và các dự án hợp tác do Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ. Tuy nhiên, tỷ lệ các trường đại học tham gia hợp tác với doanh nghiệp vẫn còn thấp, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao. Theo số liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), chỉ khoảng 20% trường đại học có hoạt động hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp, phần lớn tập trung ở các lĩnh vực như công nghệ thông tin và y sinh. Tuy nhiên, phần lớn các dự án chỉ dừng lại ở mức thử nghiệm, chưa đạt đến giai đoạn thương mại hóa (Hoàng Giang, 2024). Một số mô hình hợp tác tiêu biểu như Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ của Đại học Bách khoa TP.HCM hay các chương trình hợp tác tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã được triển khai, nhưng quy mô còn hạn chế.

Nguyên nhân do thiếu sự đồng thuận về mục tiêu giữa các trường đại học và doanh nghiệp, dẫn đến việc các dự án thường không đáp ứng được cả hai kỳ vọng. Doanh nghiệp còn dè dặt trong việc tham gia hợp tác do lo ngại về quyền sở hữu trí tuệ, chi phí cao và thời gian hoàn thành dự án dài.

Hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân sự chuyên môn

Tỷ lệ chi tiêu cho R&D của Việt Nam hiện chỉ chiếm khoảng 0,42% GDP, thấp hơn đáng kể so với các quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (1,3%), Singapore (2,2%) (OECD, 2022; World Economic Forum, 2020). Điều này dẫn đến việc nhiều trường đại học và viện nghiên cứu thiếu kinh phí để triển khai các dự án chuyển giao tri thức. Đội ngũ nhân sự tại các văn phòng chuyển giao công nghệ của trường đại học còn thiếu kinh nghiệm thực tế, khiến việc kết nối với doanh nghiệp chưa đạt hiệu quả cao. Chính vì vậy nhiều dự án nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng không được phát triển thành sản phẩm thương mại do thiếu vốn. Nguồn nhân lực thiếu các kỹ năng quan trọng trong việc quản lý tri thức và đàm phán hợp tác với doanh nghiệp.

Nền tảng pháp lý chưa hoàn thiện

Theo nghiên cứu của Perkmann và cộng sự (2013), tại các quốc gia phát triển, các khung pháp lý rõ ràng về sở hữu trí tuệ và phân chia lợi ích đã giúp thúc đẩy hợp tác đại học - doanh nghiệp hiệu quả hơn. Ngược lại, tại Việt Nam, thiếu các quy định minh bạch đã làm chậm tiến độ của nhiều dự án hợp tác (World Bank, 2020). Hiện tại, các quy định liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong hợp tác nghiên cứu chưa rõ ràng, dẫn đến nhiều tranh chấp và làm giảm sự tin tưởng giữa các bên. Các chính sách ưu đãi thuế, phí cho doanh nghiệp hợp tác nghiên cứu chưa được triển khai rộng rãi, làm giảm động lực tham gia của khu vực tư nhân. Dó đó, quy trình phê duyệt và triển khai các dự án nghiên cứu tại Việt Nam thường kéo dài, gây lãng phí thời gian và nguồn lực. Thiếu các cơ chế khuyến khích mạnh mẽ để các trường đại học thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Chuyển đổi số chưa bắt nhịp với xu hướng toàn cầu

Một báo cáo của World Economic Forum (2022) cho thấy chỉ khoảng 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam tích hợp công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, điều này cản trở việc tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ đại học. Các nền tảng kỹ thuật số hỗ trợ kết nối giữa trường đại học và doanh nghiệp còn thiếu, dẫn đến việc chia sẻ thông tin và phối hợp nghiên cứu bị hạn chế. Điều này dẫn tới doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu năng lực và tài chính để đầu tư vào công nghệ số và các giải pháp R&D hiện đại. Chưa có các hệ sinh thái số chuyên biệt dành cho chuyển giao tri thức.

4.2. Thách thức trong chuyển giao tri thức

Chuyển giao tri thức từ trường đại học vào thực tế sản xuất - kinh doanh là một quá trình phức tạp và gặp nhiều trở ngại. Những rào cản này không chỉ xuất phát từ sự khác biệt về mục tiêu và cách tiếp cận giữa hai bên mà còn đến từ những hạn chế về thể chế, cơ chế quản lý và nguồn lực. Dưới đây là một số rào cản chính.

Khác biệt văn hóa giữa môi trường học thuật và sản xuất - kinh doanh

Sự khác biệt về văn hóa là một trong những rào cản chính khiến cho việc hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trở nên khó khăn. Trong khi các trường đại học ưu tiên các mục tiêu dài hạn như cộng đồng kết quả nghiên cứu, thì doanh nghiệp lại chú trọng đến các giải pháp ngắn hạn mang lại lợi ích tài chính tức thì.

Những khác biệt này gây khó khăn trong việc định hình các mục tiêu chung và cơ chế hợp tác.

Ví dụ, nghiên cứu của Ankrah & AL-Tabbaa (2015) cho thấy các nhà nghiên cứu đại học thường gặp khó khăn trong việc điều chỉnh hướng nghiên cứu của mình theo nhu cầu thị trường, dẫn đến sự mất cân đối về mục tiêu giữa hai bên. Để giải quyết vấn đề này, một số quốc gia đã thiết lập các đơn vị trung gian, như các trung tâm đổi mới sáng tạo, để làm cầu nối giúp giảm thiểu khoảng cách về văn hóa và mục tiêu giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, nhiều đại học đã thành lập các trung tâm chuyển giao tri thức, như Đại học Quốc gia Hà Nội đã triển khai Trung tâm Chuyển giao Tri thức và Hỗ trợ Khởi nghiệp (VNU-CIC), nơi đóng vai trò như một cầu nối thúc đẩy hợp tác giữa nhà nghiên cứu và doanh nghiệp. Trung tâm này không chỉ tổ chức các buổi hội thảo để nâng cao hiểu biết lẫn nhau mà còn hỗ trợ hai bên trong việc điều chỉnh mục tiêu hợp tác phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Bảo mật và quyền sở hữu trí tuệ

Bảo mật và quyền sở hữu trí tuệ luôn là một vấn đề nhạy cảm trong quá trình chuyển giao tri thức. Các doanh nghiệp thường lo ngại về nguy cơ rò rỉ thông tin khi hợp tác với các trường đại học, đặc biệt là trong các ngành có tính cạnh tranh cao.

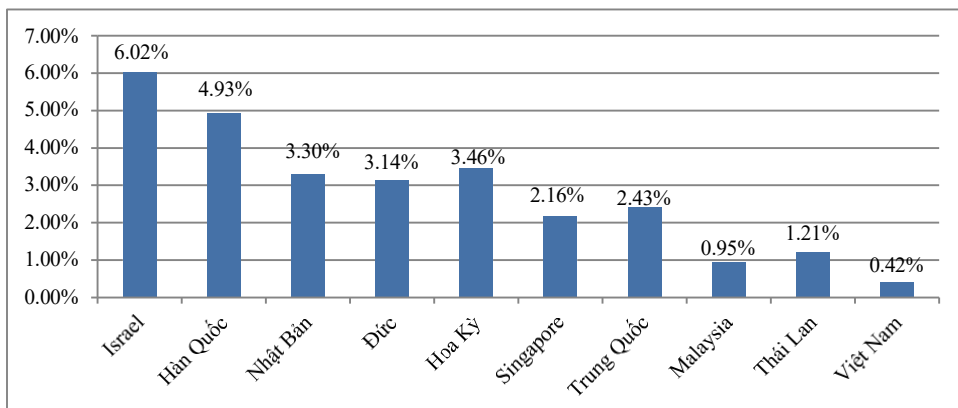
Nghiên cứu của Perkmann và cộng sự (2013) cho thấy rằng các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ không chỉ làm chậm tiến độ của các dự án chuyển giao mà còn có thể dẫn đến việc hủy bỏ hợp tác. Một giải pháp phổ biến là thiết lập các hợp đồng rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ ngay từ đầu, trong đó phân định rõ ràng quyền lợi của các bên và các biện pháp xử lý khi có tranh chấp.

Ở Việt Nam, một số trường đại học lớn như Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Luật Hà Nội cũng đã xây dựng các quy chế nội bộ về quản lý sở hữu trí tuệ để đảm bảo quyền lợi của cả nhà nghiên cứu và doanh nghiệp. Tuy nhiên, các trường đại học nhỏ hơn vẫn gặp khó khăn trong việc triển khai các quy định này do thiếu nguồn lực và chuyên môn.

Nguồn lực và tài chính

Nguồn lực hạn chế cả về tài chính lẫn con người là một trong những rào cản lớn nhất đối với các dự án chuyển giao tri thức. Ở Việt Nam, ngân sách dành cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn thấp so với các nước trong khu vực. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2023, đầu tư cho R&D tại Việt Nam là 0,4%, thấp hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á, xếp hạng 66 toàn cầu, giảm 7 bậc so với năm ngoái. Trong khi đó, các nước trong cùng khu vực đã có sự gia tăng về nguồn vốn đầu tư vào hoạt động này và nhanh chóng vươn lên trên bảng xếp hạng năm 2023, như: Thái Lan 1,3% (tăng 4 hạng), Singapore 2,2% (tăng 3 hạng), Malaysia 1% (Hoàng Giang, 2024).

Đầu tư cho R&D là một chỉ số quan trọng phản ánh mức độ ưu tiên của mỗi quốc gia đối với đổi mới sáng tạo. Theo số liệu cập nhật đến năm 2022, tỷ lệ chi tiêu cho R&D của một số quốc gia như sau:



So sánh mức đầu tư cho R&D của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới (Số liệu trên được tổng hợp từ các nguồn như Statista và Trading Economics, với dữ liệu cập nhật đến năm 2022)

Biểu đồ 1. Tỷ lệ chi tiêu cho R&D của một số quốc gia

Việt Nam hiện có tỷ lệ chi tiêu R&D thấp hơn đáng kể so với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Điều này cho thấy sự cần thiết phải nâng cao đầu tư vào R&D để tăng cường năng lực cạnh tranh và bắt kịp các xu hướng đổi mới toàn cầu.

Ví dụ, Israel - quốc gia có tỷ lệ chi tiêu R&D cao nhất thế giới (6,02%) đã xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ, trở thành "Quốc gia khởi nghiệp". Tương tự, Hàn Quốc, với tỷ lệ 4,93%, đã đạt được những thành tựu vượt bậc trong các ngành công nghiệp công nghệ cao như điện tử và xe hơi.

Điều này dẫn đến tình trạng nhiều trường đại học không đủ nguồn lực để triển khai các dự án nghiên cứu ứng dụng. Một số dự án phải dừng lại do thiếu kinh phí, trong khi doanh nghiệp thì không sẵn lòng đầu tư vào các nghiên cứu có rủi ro cao.

Một giải pháp được áp dụng ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, là thành lập các quỹ tài trợ công - tư để hỗ trợ tài chính cho các dự án chuyển giao tri thức. Ví dụ, Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia (NATIF) đã tài trợ hàng trăm dự án hợp tác R&D giữa các trường đại học và doanh nghiệp.

5. Xu hướng và cơ hội trong bối cảnh hiện nay

5.1. Chuyển giao tri thức trong kỷ nguyên số

Chuyển giao tri thức trong kỷ nguyên số là một xu hướng không thể đảo ngược, được thúc đẩy bởi những tiến bộ trong công nghệ thông tin và truyền thông. Kỷ nguyên số đã thay đổi cách tri thức được tạo ra, chia sẻ và ứng dụng thông qua các công cụ và nền tảng số, từ đó mang lại hiệu quả vượt trội cho cả trường đại học và doanh nghiệp.

Các công cụ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và nền tảng đám mây đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc chia sẻ tri thức theo thời gian thực. Các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo như NIC (Vietnam National Innovation Center: Trung

tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia) tại Việt Nam đã sử dụng các công cụ trực tuyến để kết nối giữa trường đại học và doanh nghiệp, tạo điều kiện cho hợp tác R&D mà không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý.

Các nền tảng học trực tuyến và cổng thông tin nghiên cứu như ResearchGate, Google Scholar hoặc thậm chí các hệ thống ERP được doanh nghiệp và đại học sử dụng để đồng bộ hóa dữ liệu nghiên cứu và quản lý dự án hợp tác. Theo nghiên cứu của Whelan và cộng sự (2013), các nền tảng số giúp tạo ra không gian cộng tác hiệu quả hơn bằng cách giảm thiểu các rào cản về thông tin và tăng tốc quá trình ra quyết định trong hợp tác.

Hiện nay, nhiều trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam tham gia vào các chương trình hợp tác quốc tế như Erasmus+, Horizon Europe để nâng cao khả năng chia sẻ tri thức. Ví dụ như Đại học Quốc gia Hà Nội đã hợp tác với các đối tác quốc tế để phát triển các dự án AI, tận dụng nguồn lực và tri thức từ các quốc gia phát triển.

Dù công nghệ số mang lại nhiều cơ hội, nhưng các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam vẫn đối mặt với những rào cản trong việc tiếp cận các giải pháp số do hạn chế về tài chính và năng lực công nghệ. Theo báo cáo của World Economic Forum (2020), chỉ khoảng 30% doanh nghiệp tại Đông Nam Á, bao gồm Việt Nam, tích hợp công nghệ số vào hoạt động R&D, cho thấy một khoảng trống lớn cần được lấp đầy thông qua các chính sách hỗ trợ.

5.2. Một số mô hình hợp tác mới

Phát triển mô hình hợp tác công - tư (PPP)

Mô hình PPP là xu hướng nổi bật trong chuyển giao tri thức, kết nối nguồn lực công và tư để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đây không chỉ là cách để doanh nghiệp tiếp cận tri thức mới mà còn giúp trường đại học ứng dụng nghiên cứu vào thực tiễn. Chương trình Collaborative Industry Projects (CIP) ở Singapore đã đưa các trường đại học trở thành đối tác chiến lược của doanh nghiệp trong hơn 300 dự án từ 2010 đến nay (Tan và cộng sự, 2021). Ở Việt Nam, các trung tâm ươm tạo doanh nghiệp như Saigon Innovation Hub đã thành công trong việc kết nối các dự án nghiên cứu từ đại học với doanh nghiệp khởi nghiệp.

Liên kết mạng lưới giữa trường đại học và doanh nghiệp

Tại châu Âu, chương trình Erasmus+ Knowledge Alliances không chỉ cung cấp tài chính mà còn tạo một nền tảng để sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp cùng giải quyết các thách thức thực tiễn. Theo báo cáo của European Commission (2018), chương trình đã tạo ra hơn 10.000 cơ hội thực tập và dự án nghiên cứu chung với tỷ lệ thành công lên tới 85% trong việc thương mại hóa sản phẩm.

Hợp tác nghiên cứu và ươm tạo

Một trong những xu hướng nổi bật trong chuyển giao tri thức là mô hình hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp thông qua các trung tâm ươm tạo. Các trung tâm này không chỉ giúp nghiên cứu cơ bản chuyển giao vào thực tế mà còn hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển sản phẩm và công nghệ từ những nghiên cứu khoa học.

Mô hình Đổi mới sáng tạo mở

Mô hình đổi mới sáng tạo mở cho phép trường đại học và doanh nghiệp chia sẻ tài nguyên và tri thức, không giới hạn trong nội bộ của tổ chức mà mở rộng ra ngoài các biên giới truyền thống của tổ chức đó. Đây là cách thức mà các trường đại học có thể hợp tác với nhiều doanh nghiệp khác nhau, từ đó tạo ra những đổi mới sáng tạo hơn và thúc đẩy chuyển giao tri thức.

Mô hình Chuyển giao tri thức toàn cầu

Mô hình này tập trung vào việc xây dựng các mạng lưới hợp tác quốc tế, nơi các trường đại học và doanh nghiệp từ nhiều quốc gia có thể chia sẻ tri thức và nghiên cứu. Các mạng lưới này thường xuyên tổ chức các hội thảo, diễn đàn và các hoạt động giao lưu học thuật nhằm tạo điều kiện cho việc chuyển giao tri thức hiệu quả hơn.

The Global Innovation Index (GII) là một ví dụ điển hình về cách các quốc gia và doanh nghiệp trong các nền kinh tế phát triển và đang phát triển kết nối với nhau để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức toàn cầu. Các trường đại học trong mạng lưới GIÍ thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ toàn cầu để phát triển các sáng kiến đổi mới sáng tạo.

5.3. Đổi mới trong chính sách vĩ mô*Vai trò của chính phủ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển giao tri thức*

Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, xây dựng môi trường pháp lý và hỗ trợ các sáng kiến đổi mới sáng tạo. Những chính sách này tạo ra động lực mạnh mẽ để thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ từ các trường đại học đến doanh nghiệp. Một nghiên cứu của OECD (2015) cho thấy sự hỗ trợ từ Chính phủ đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các trường đại học và doanh nghiệp là yếu tố quyết định để tạo ra các công nghệ đổi mới và thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo Forbes (2020), môi trường đổi mới sáng tạo cần phải có sự kết hợp giữa các yếu tố như tài chính, cơ sở hạ tầng và môi trường pháp lý. Chính phủ cần xây dựng chính sách hỗ trợ để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao tri thức và thúc đẩy các sáng kiến đổi mới sáng tạo.

Các chính sách khuyến khích hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Các chính sách khuyến khích hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp có thể tạo ra sự kết nối giữa nghiên cứu và sản xuất, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Một nghiên cứu của European Commission (2019) chỉ ra rằng mô hình hợp tác công - tư là một công cụ quan trọng giúp tăng cường sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

Chính phủ có thể khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào R&D qua các chính sách thuế ưu đãi. Deloitte (2021) cho thấy các quốc gia như Anh, Mỹ và Canada đã thành công trong việc thúc đẩy các khoản đầu tư R&D thông qua các ưu đãi về thuế cho doanh nghiệp.

Chính sách vĩ mô tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ từ các trường đại học vào thực tế sản xuất

Các chính sách hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy khởi nghiệp từ nghiên cứu và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các công ty khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra cơ chế để chuyển giao công nghệ từ các trường đại học vào sản xuất. Theo World Intellectual Property Organization (WIPO), chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là rất quan trọng trong việc đảm bảo sự chuyển giao công nghệ và tri thức từ các trường đại học vào thực tế sản xuất. Sự bảo vệ này giúp các nhà nghiên cứu và các công ty khởi nghiệp yên tâm hơn trong việc phát triển và thương mại hóa sản phẩm (WIPO, 2020).

Một nghiên cứu của Harvard Business Review cho thấy rằng các chính sách khuyến khích khởi nghiệp từ nghiên cứu trong trường đại học giúp tăng cường khả năng thương mại hóa công nghệ và thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo (Harvard Business Review, 2018).

6. Giải pháp thúc đẩy chuyển giao tri thức từ các trường đại học tại Việt Nam

Từ thực trạng, thách thức và xu hướng trong chuyển giao tri thức từ trường đại học hiện nay, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp chuyển giao tri thức trong bối cảnh hiện nay.

6.1. Tăng cường hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp: Định hình mối liên kết chiến lược

Mô hình kết nối chuyên biệt. Thành lập các trung tâm chuyển giao tri thức và công nghệ tại mỗi trường đại học, hoạt động như các văn phòng "một cửa" để hỗ trợ các nhà nghiên cứu và doanh nghiệp tìm kiếm đối tác phù hợp. Những trung tâm này sẽ có nhiệm vụ: Hỗ trợ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; Tổ chức các hội thảo, triển lãm để quảng bá công nghệ; Đóng vai trò trung gian giúp giải quyết các mâu thuẫn về quyền sở hữu trí tuệ.

Thúc đẩy các dự án hợp tác công - tư (PPP). Khuyến khích sự tham gia của cả khu vực công và tư nhân trong các dự án nghiên cứu. Chính phủ cần hỗ trợ thông qua các khoản tài trợ hoặc ưu đãi thuế. Ví dụ: Singapore triển khai chương trình Collaborative Industry Projects (CIP), hỗ trợ tài chính cho các dự án giữa trường đại học và doanh nghiệp, mang lại hơn 300 dự án thành công trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học (Tan et al., 2021).

Tăng cường gắn kết thông qua giáo dục và đào tạo thực tiễn. Tích hợp chương trình thực tập dài hạn cho sinh viên tại các doanh nghiệp để kết nối giữa nghiên cứu và thực tế sản xuất. Ví dụ: Đại học Quốc gia Hà Nội hợp tác với FPT tổ chức các khóa đào tạo lập trình và quản lý dữ liệu lớn, giúp sinh viên tiếp cận công nghệ hiện đại và doanh nghiệp tìm kiếm nhân lực phù hợp.

6.2. Đầu tư tài chính và phát triển nguồn lực

Thành lập Quỹ Nghiên cứu công - tư Quốc gia. Quỹ này sẽ tài trợ cho các dự án nghiên cứu ứng dụng có tiềm năng thương mại hóa. Cơ chế hoạt động:

- Đối với nhà nước: Đóng góp vốn ban đầu và duy trì hỗ trợ dài hạn;
- Đối với doanh nghiệp: Tham gia góp vốn theo tỷ lệ nhất định, được hưởng ưu đãi thuế khi dự án thành công.

Ví dụ: Israel, với quỹ đầu tư R&D chiếm 6,02% GDP, đã xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ, trở thành “Quốc gia khởi nghiệp” (Statista, 2022).

Tăng ngân sách R&D lên mức 1% GDP trong vòng 5 năm. Chính phủ cần cam kết tăng chi tiêu cho nghiên cứu KH&CN, ít nhất đạt mức trung bình khu vực Đông Nam Á. Điều này không chỉ giúp cải thiện năng lực nội địa mà còn tạo động lực thu hút đầu tư nước ngoài.

Phát triển nhân lực chuyên môn. Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu dành cho cán bộ tại các văn phòng chuyển giao tri thức. Nội dung đào tạo nên bao gồm: Kỹ năng quản lý dự án; Đàm phán hợp tác với doanh nghiệp; Quản trị sở hữu trí tuệ.

6.3. Hoàn thiện cơ chế và chính sách hỗ trợ

Khung pháp lý về sở hữu trí tuệ. Ban hành quy định rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ trong các dự án hợp tác, đảm bảo lợi ích của cả nhà nghiên cứu và doanh nghiệp. Điều này giúp giảm thiểu xung đột và tăng cường niềm tin trong hợp tác.

Ví dụ: Hàn Quốc áp dụng chính sách “chia sẻ lợi nhuận” (profit-sharing), trong đó doanh nghiệp nhận quyền sử dụng sáng chế, còn trường đại học nhận một phần doanh thu từ sản phẩm.

Ưu đãi tài chính và chính sách thuế. Cung cấp các chính sách thuế ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào các dự án nghiên cứu tại đại học. Một số ưu đãi bao gồm: Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi cho R&D; Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị công nghệ được sử dụng trong các dự án hợp tác.

Đẩy nhanh quy trình phê duyệt dự án. Đơn giản hóa thủ tục đăng ký và triển khai dự án nghiên cứu, giảm thiểu thời gian từ khi ý tưởng nghiên cứu được đề xuất đến khi được cấp phép thực hiện.

6.4. Thúc đẩy chuyển đổi số trong chuyển giao tri thức

Xây dựng các nền tảng số kết nối. Phát triển các cổng thông tin trực tuyến để hỗ trợ: Chia sẻ dữ liệu nghiên cứu giữa các trường đại học và doanh nghiệp; Đăng tải thông tin về nhu cầu hợp tác và các dự án nghiên cứu mới. Ví dụ: ResearchGate hoặc Google Scholar có thể được sử dụng làm mẫu để xây dựng nền tảng tương tự tại Việt Nam.

Ứng dụng các công nghệ hiện đại. Tăng cường sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong việc phân tích nhu cầu thị trường và tiềm năng ứng dụng của các kết quả nghiên cứu.

Nâng cao năng lực chuyển đổi số của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phối hợp với các trường đại học để đào tạo và tư vấn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp họ tiếp cận và áp dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh.

6.5. Nâng cao nhận thức và kỹ năng của các bên liên quan

Tăng cường nhận thức về giá trị của chuyển giao tri thức. Phát động các chiến dịch truyền thông quốc gia nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và cộng đồng về lợi ích của chuyển giao tri thức đối với kinh tế - xã hội.

Hỗ trợ khởi nghiệp từ nghiên cứu. Xây dựng các chương trình khởi nghiệp dành riêng cho sinh viên và giảng viên, với sự hỗ trợ từ các quỹ tài trợ và cố vấn chuyên môn. Ví dụ: Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ đã hỗ trợ hàng loạt start-up trong lĩnh vực công nghệ cao như BK Holdings, chuyên về trí tuệ nhân tạo.

7. Kết luận

Chuyển giao tri thức từ trường đại học vào thực tế sản xuất - kinh doanh là một yếu tố then chốt để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0, việc tận dụng các công nghệ số và mô hình hợp tác mới đã mở ra nhiều cơ hội để rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm: sự khác biệt văn hóa giữa các bên, vấn đề sở hữu trí tuệ và nguồn lực tài chính còn hạn chế. Để khắc phục vấn đề này, các trường đại học và doanh nghiệp cần hợp tác chặt chẽ hơn với cơ quan Chính phủ trong các lĩnh vực sau: xây dựng các cơ chế, chính sách rõ ràng nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; và thúc đẩy các hình thức hợp tác công - tư, đặc biệt là các trung tâm ươm tạo và quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Những nỗ lực này không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia mà còn đặt nền tảng cho một nền kinh tế tri thức phát triển bền vững. Trong tương lai, việc chuyển giao tri thức cần tập trung hơn vào các lĩnh vực chiến lược như công nghệ xanh, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế để tận dụng tối đa tri thức toàn cầu. Với mục tiêu phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển giao tri thức tại Việt Nam, bài viết đã cung cấp cơ sở lý thuyết vững chắc, phân tích chi tiết các rào cản và đưa ra các định hướng chiến lược trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Giang (2024). “Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở Việt Nam: Start-up cần tăng đề kháng”. Báo Điện tử Chính phủ <<https://baohinhphu.vn/he-sinh-thai-doi-moi-sang-tao-mo-viet-nam-start-up-can-tang-de-khang-102240111190914533.htm>>.
2. NIC (2023). Báo cáo Đổi mới Sáng tạo và Đầu tư Công nghệ Việt Nam 2023. Bộ KHCN
3. Bozeman, B., & Boardman, P. C. (2014). Research collaboration and team science: A state-of-the-art review and agenda. Springer International Publishing.
4. Chen, C.-J., & Huang, J.-W. (2009). “Strategic human resource practices and innovation performance - The mediating role of knowledge management capacity”. *Journal of Business Research*, 62(1), 104-114.
5. Cunningham, J. A., & O'Reilly, D. (2018). “The role of technology transfer offices in the facilitation of university spin-off companies”. *Technology Transfer*, 3(1), 47-59.
6. D'Este, P., & Patel, P. (2007). “University-industry linkages in the UK: What are the factors determining the variety of interactions with industry?”. *Research Policy*, 36(9), 1295-1313.
7. Deloitte (2021). Global survey on research and development tax incentives. deloitte insights.
8. Easterby-Smith, M., & Lyles, M. A. (2011). *Handbook of Organizational Learning and Knowledge Management*. Wiley.

9. European Commission (2018). Erasmus+ Knowledge Alliances Impact Report. European Commission.
10. European Commission (2019). The Role of Public-Private Partnerships in Research and Innovation. European Commission.
11. Forbes (2020). “How Government Can Foster Innovation in the Private Sector”. <<https://www.forbes.com>>.
12. Harvard Business Review (2018). How Universities Can Foster Innovation and Entrepreneurship. Harvard Business Publishing.
13. OECD (2015). The Innovation Imperative: Contributing to Productivity, Growth and Well-Being. OECD Publishing.
14. OECD (2019). University-Industry Collaboration: New Evidence and Policy Options. OECD Publishing.
15. OECD (2022). Science, Technology and Innovation Outlook 2022. OECD Publishing.
16. Pereira, V., & Mellahi, K. (2021). “Knowledge management and innovation in emerging economies: A systematic literature review and future research directions”. *International Journal of Information Management*, 60, 102367.
17. Perkmann, M., Tartari, V., McKelvey, M., Autio, E., Broström, A., D’Este, P., ... & Sobrero, M. (2013). “Academic engagement and commercialisation: A review of the literature on university–industry relations”. *Research Policy*, 42(2), 423-442.
18. Samuel Ankrah a, Omar AL-Tabbaa (2015). “Universities–industry collaboration: A systematic review”. *Scandinavian Journal of Management*, Volume 31, Issue 3, September 2015, Pages 387-408.
19. Santoro, M. D., & Bierly, P. E. (2006). “Facilitators of knowledge transfer in university–industry collaborations: A knowledge-based perspective”. *IEEE Transactions on Engineering Management*, 53(4), 495–507.
20. Siegel, D. S., Waldman, D., Atwater, L., & Link, A. (2003). “Commercial knowledge transfers from universities to firms: Improving the effectiveness of university–industry collaboration”. *Journal of High Technology Management Research*, 14(1), 111–133.
21. Statista (2022). “Global R&D Spending Data by Country”. <<https://www.statista.com>>.
22. Tan, W. H., Low, S. H., & Sim, K. Y. (2021). “Collaborative Industry Projects in Singapore”. *Journal of Technology Transfer*.
23. Trading Economics (2022). “Research and Development Expenditure (% of GDP)”. <<https://tradingeconomics.com>>.
24. Whelan, E., Teigland, R., & Donnellan, B. (2013). « Exploring Knowledge Exchange in Global Virtual Teams”. *Knowledge Management Research & Practice*, 11(1), 12-21.
25. WIPO (2020). Intellectual Property and Innovation: How Patents Drive Economic Growth. World Intellectual Property Organization.
26. World Bank (2020). The Innovation Imperative for Developing East Asia. Washington, DC: The World Bank.
27. World Economic Forum (2022). Global Competitiveness Report 2022. World Economic Forum.
28. World Economic Forum (2020). ASEAN Digital Integration Index.